TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2024/QĐST-DS	*Thành phố Bến Tre, ngày 25 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành được lập ngày 17 tháng 01 năm 2024, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 310/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Số A, đường C, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Phạm Ngọc T

- Ông Trịnh Công L

- Ông Nguyễn Võ Đ

Địa chỉ: Lầu A, số B đường D, Phường T, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: **Ông Đặng Ngọc Trọng K**, sinh năm: 1984

Địa chỉ: Số A, ấp N, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Bà Võ Thị Hồng M, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số F, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Bến Tre

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Đặng Ngọc Trọng K và bà Võ Thị Hồng M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tính đến ngày 17/01/2024 là 1.651.294.186

(Một tỷ sáu trăm năm mươi mốt triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu) đồng trong 02 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 17/3/2024: ông Đặng Ngọc Trọng K và bà Võ Thị Hồng M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vốn 800.000.000 (Tám trăm triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 0007/2023/601-TD-CV ngày 31/01/2023.

- Ngày 17/4/2024: ông Đặng Ngọc Trọng K và bà Võ Thị Hồng M có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A trả số tiền còn lại là 851.294.186 (Tám trăm năm mươi mốt triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn một trăm tám mươi sáu) đồng gồm:

+ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0007/2023/601-TD-CV ngày 31/01/2023 là: 402.153.728 (Bốn trăm lẻ hai triệu một trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm hai mươi tám) đồng gồm tiền vốn 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn 62.200.000 (Sáu mươi hai triệu hai trăm nghìn) đồng, tiền lãi quá hạn 135.616.438 (Một trăm ba mươi lăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng, tiền lãi chậm trả lãi 4.337.290 (Bốn triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm chín mươi) đồng.

+ Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0013/2023/601-TD-CV ngày 06/02/2023 là 350.140.458 (Ba trăm năm mươi triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm năm mươi tám) đồng gồm tiền vốn 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng, tiền lãi trong hạn 41.882.041 (Bốn mươi mốt triệu tám trăm tám mươi hai nghìn không trăm bốn mươi mốt) đồng, tiền lãi quá hạn 6.077.486 (Sáu triệu không trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm tám mươi sáu) đồng, tiền lãi chậm trả lãi 2.180.931 (Hai triệu một trăm tám mươi nghìn chín trăm ba mươi mốt) đồng.

+ Dư nợ thẻ tín dụng: 99.000.000 (Chí mươi chín triệu) đồng theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 31/01/2023, số hợp đồng 0028/2023/605-CV, ngày hợp đồng 03/02/2023.

Kể từ ngày 18/01/2024 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Trường hợp ông Đặng Ngọc Trọng K và bà Võ Thị Hồng M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản (quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất) (để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bên thế chấp và người khác) số: 0005/2023/601-TD-BĐ công chứng ngày 31/01/2023 (Hợp đồng được công chứng ngày 31/01/2023 tại Văn phòng công chứng H và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 31/01/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B); Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số: 01/SĐ-0005/2023/601-TD-BĐ ngày 06/02/2023 (Hợp đồng được công chứng ngày

06/02/2023 tại Văn phòng công chứng H) để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: thửa đất số 571, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.413,5m^2, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 593923, số vào sổ cấp GCN số CS04667 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 12/3/2020 cho ông Đặng Ngọc T (Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bến Tre cập nhật chỉnh lý ngày 29/5/2020 nội dung: Tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đặng Ngọc Trọng K, CMND số 321152274, địa chỉ A ấp N, xã T, thành phố B, tỉnh Bến Tre theo hồ sơ số 006823.TA.002; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B cập nhật chỉnh lý ngày 19/10/2021 nội dung: Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thay đổi giấy CMND từ 321152274 thành CCCD số 083084000615; theo hồ sơ số 006823.DT.007)

Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm được giảm 50% là 30.769.400 (Ba mươi triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm) đồng ông Đặng Ngọc Trọng K và bà Võ Thị Hồng M tự nguyện chịu. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền 28.855.000 (Hai mươi tám triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0002116 ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP.Bến Tre;
- Các đương sự;
- THADS TP.Bến Tre;
- Toà án tỉnh ;
- Lưu HS,VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương